

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: **15/2023/KDTM – ST**

Ngày: 30-10-2023

*“Về việc Tranh chấp hợp đồng kinh tế
(Về vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền)”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Kim Sa Pha

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Châu

Ông Nguyễn Phước

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thúy Trang – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 và 30 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2023/TLST- KDTM ngày 07 tháng 8 năm 2023; Về việc : *“Tranh chấp hợp đồng kinh tế (Về vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền)”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST- KDTM ngày 19 tháng 9 năm 2023; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV XD TM H (Gọi tắt là Công ty H).
Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc V – Giám đốc Công ty. Địa chỉ: Ấp P, xã Tân T, huyện A, tỉnh Hậu Giang.

+ Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh N, sinh năm 1997. Địa chỉ: Số 116A, đường T, phường H, quận N, Thành phố Cần Thơ (Có mặt).

- Bị đơn: Công ty TNHH Xây dựng T (Gọi tắt là Công ty T). Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh H – Giám đốc Công ty. Địa chỉ: Số P3, đường số 3, KDC S, đường N, Phường X, thành phố Y, tỉnh Sóc Trăng.

+ Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Minh M, sinh năm 1992. Địa chỉ: Số 585, đường L, phường X, thành phố Y, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Công ty TNHH MTV XD TM V, trong quá trình giải quyết vụ án và cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Huỳnh N trình bày ý kiến:*

Ngày 12/9/2021, Công ty TNHH MTV XD TM V (gọi là Bên B) với Công ty TNHH Xây Dựng T (gọi là Bên A) có ký kết hợp đồng kinh tế số 2508/2021/TL-VA. Theo đó, Công ty V đồng ý bán và san lấp mặt bằng dự án khu nhà ở thương mại T, đường Lê Hồng Phong, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cho Công ty T, cụ thể như sau: Về đơn giá và giá trị hợp đồng: Diện tích san lấp là 139.218,4m² với khối lượng cát là 500.000m³, giá cát là 195.000 đồng/m³, tổng cộng giá trị của hợp đồng là 97.500.000.000 đồng. Thời gian thực hiện hợp đồng ngay sau khi hai bên ký hợp đồng, với tiến độ 100.000m³/tháng. Về phương thức thanh toán: Khi bên B cung cấp khối lượng cát tương đương 10.000m³/tháng thì 02 bên tiến hành tổng hợp khối lượng cát và lập hồ sơ nghiệm thu đề nghị thanh toán. Bên A sẽ thanh toán cho bên B 100% giá trị nghiệm thu trong vòng 05 ngày, kể từ ngày bên B cung cấp đầy đủ hồ sơ thanh toán cho bên A.

Sau khi hai bên ký hợp đồng nêu trên thì Công ty V đã thực hiện đúng và đầy đủ nội dung của hợp đồng, các bên đã tiến hành nghiệm thu và lập đề nghị thanh toán như hợp đồng đã giao kết. Hai bên đã xác nhận hồ sơ thanh toán đợt 1 và biên bản đối chiếu công nợ đợt 1 vào ngày 19/10/2022: Công ty TNHH Xây dựng T còn nợ Công ty TNHH MTV XD TM V số tiền 3.714.540.000 đồng, bên A sẽ thanh toán cho bên B chậm nhất là 30 ngày, nếu sau 30 ngày bên A chưa thanh toán cho bên B thì bên A phải chịu lãi suất 03%/tháng. Bên Công ty V đã gửi thư đề nghị thanh toán và xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty T theo quy định của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, khi hết thời hạn thanh toán 30 ngày thì Công ty T luôn hứa hẹn, né tránh và không có thiện chí thanh toán khoản công nợ trên cho Công ty V.

Vì vậy, nay Công ty TNHH MTV XD TM V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty TNHH Xây dựng T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH MTV XD TM V số tiền công nợ là 3.714.540.000 đồng và tiền lãi suất chậm trả 03%/tháng, kể từ ngày 19/11/2022 cho đến khi giải quyết xong vụ kiện, tiền lãi tạm tính đến ngày 19/7/2023 là 891.489.600 đồng. Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế hiện nay gặp khó khăn chung, nên nguyên đơn Công ty V yêu cầu bị đơn Công ty T có nghĩa vụ phải chịu tiền lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật là 20%/năm, kể từ ngày 19/11/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, tương ứng số tiền lãi chậm thanh toán là 694.681.980 đồng.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty TNHH Xây dựng T là anh Võ Minh M trình bày ý kiến:*

Công ty TNHH Xây dựng T (gọi là bên A) với Công ty TNHH MTV XD TM V (gọi là bên B) có thỏa thuận, ký kết Hợp đồng kinh tế số 2508/2021/TL-VA ngày 12/9/2021, về nội dung thỏa thuận của Hợp đồng kinh tế như: Về đơn giá, giá trị hợp đồng, diện tích và khối lượng cát san lấp, thời gian thực hiện hợp đồng và phương thức thanh toán như phía nguyên đơn Công ty V trình bày. Sau khi hai bên ký hợp đồng kinh tế nêu trên thì phía Công ty V đã tiến hành bơm cát để san lấp mặt bằng cho Công ty T. Đến ngày 19/10/2022, tổng khối lượng cát vật tư đợt 01 mà Công ty V đã bơm cho Công ty T được hai bên nghiệm thu, đối chiếu khối lượng cát từ ngày 16/9/2022 đến ngày 15/10/2022 là 14.868m³. Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế tài chính của Công ty T gặp nhiều khó khăn, chưa thanh toán kịp thời cho Công ty V nên phía Công ty V đã ngừng bơm cát san lấp cho Công ty T, nhưng tại thời điểm thỏa thuận, ký kết hợp đồng kinh tế nêu trên thì giữa hai bên có thỏa thuận miệng với nhau là khi nào Công ty T hoàn thành công trình nhà ở thương mại và bán được nhà thì mới thanh toán tiền cho Công ty V.

Vì vậy, nay Công ty V khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền công nợ nêu trên thì phía Công ty T chỉ đồng ý thanh toán với khối lượng cát đã bơm là 14.868m³ với đơn giá là 195.000 đồng/m³ cát theo như đơn giá của hợp đồng hai bên đã ký và tiền lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật, không đồng ý đối với đơn giá khi hai bên đối chiếu công nợ mà Công ty V tính đơn giá 01m³ cát là 235.000 đồng/m³ đến 255.000 đồng/m³ với tổng số tiền 3.714.540.000 đồng đề xuất hóa đơn giá trị gia tăng. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trừ số tiền 900.000.000 đồng mà Công ty T đã thanh toán cho Công ty V theo các Phiếu chi tiền ngày 03 tháng 11 năm 2021 và ngày 28 tháng 01 năm 2022 đã cung cấp cho Tòa án trong

quá trình thụ lý, giải quyết vụ án.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Các đương sự đã thực hiện đầy đủ, quyền và nghĩa vụ của mình, cũng như chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với mức lãi suất chậm thanh toán theo thỏa thuận là 03%/tháng, yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi suất chậm thanh toán theo quy định của pháp luật là 20%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ các bên đương sự cung cấp và ý kiến trình bày của đương sự thì hai bên Công ty V và Công ty T đã đối chiếu công nợ tiền bơm cát, thống nhất về khối lượng cát là 14.868m³, cũng như đơn giá cát, tổng số tiền công nợ và thỏa thuận chịu tiền lãi chậm thanh toán theo quy định của pháp luật, nên hai bên đã thống nhất ký đối chiếu công nợ ngày 19/10/2022 với số tiền là 3.714.540.000 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty H đối với bị đơn Công ty T là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty V đối với bị đơn Công ty T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty V thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn Công ty T về mức lãi suất chậm thanh toán theo thỏa thuận là 03%/tháng, yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi suất chậm thanh toán theo quy định của pháp luật là 20%/năm. Xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Công ty TNHH MTV XD TM V khởi kiện bị đơn Công ty TNHH Xây Dựng T yêu cầu thanh toán tiền bơm cát san lấp mặt bằng theo Hợp đồng kinh tế số

2508/2021/TL-VA ngày 12/9/2021 giữa hai bên đã thỏa thuận ký kết, nên tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa hai Công ty với nhau. Do đó, quan hệ phát sinh tranh chấp được xác định là tranh chấp Hợp đồng kinh tế (Vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền) theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngoài ra, theo nội dung thỏa thuận tại Điều 8 của Hợp đồng kinh tế số 2508/2021/TL-VA ngày 12/9/2021 nếu quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh tranh chấp thì các bên có quyền khởi kiện tại Tòa án kinh tế, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang giải quyết tranh chấp, nhưng nội dung thỏa thuận về thẩm quyền Tòa án giải quyết này là không phù hợp theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nên nguyên đơn Công ty TNHH MTV XD TM V đã lựa chọn Tòa án giải quyết nơi có địa chỉ trụ sở của bị đơn là Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng giải quyết vụ kiện tranh chấp theo điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự là đúng thẩm quyền giải quyết của vụ án.

[3] Về thời hiệu khởi kiện của vụ án: Do các đương sự không đặt ra yêu cầu xem xét về thời hiệu khởi kiện, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, yêu cầu thanh toán số tiền công nợ 3.714.540.000 đồng và tiền lãi suất chậm thanh toán của Hợp đồng kinh tế số 2508/2021/TL-VA ngày 12/9/2021, thì thấy: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện này thì nguyên đơn Công ty V đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ để chứng minh như: Hợp đồng kinh tế số 2508/2021/TL-VA ngày 12/9/2021; Bảng kê chi tiết xác nhận khối lượng vật tư đợt 1; Bảng nghiệm thu khối lượng đợt 01 ngày 19 tháng 10 năm 2022; Biên bản xác định giá trị khối lượng công việc thi công được nghiệm thu đợt 01 ngày 19 tháng 10 năm 2022; Biên bản đối chiếu công nợ đợt 01 ngày 19 tháng 10 năm 2022 với số tiền bên A (Công ty T) còn nợ bên B (Công ty V) số tiền 3.714.540.000 đồng; Đề nghị thanh toán số 01/ĐNTT/VA-TL ngày 19 tháng 10 năm 2022; Hóa đơn giá trị gia tăng ký hiệu 1C22TVA, số 00000208 ngày 27 tháng 10 năm 2022 và các tài liệu, chứng cứ này có phía bị đơn Công ty TNHH Xây Dựng T ký tên, đóng dấu xác nhận công nợ. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không có ý kiến gì phản đối với các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn cung cấp, nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại đơn giá cát khi hai bên đối chiếu công nợ đề Công ty V xuất hóa đơn giá trị gia tăng so với giá cát hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng kinh tế số 2508/2021/TL-VA ngày 12/9/2021, cũng như số tiền bị đơn Công ty T đã thanh toán 900.000.000 đồng cho Công ty V trong quá trình thực hiện hợp đồng, nên đây là những tình tiết sự thật, không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ nêu trên thì Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định giữa hai bên nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận ký kết Hợp đồng kinh tế số 2508/2021/TL-VA ngày 12/9/2021 và nguyên đơn Công ty V đã tiến hành bơm cát để san lấp mặt bằng cho Công ty T theo nội dung thỏa thuận với tổng khối lượng cát bơm là 14.868m^3 , sau khi hai bên đối chiếu khối lượng cát thi công đợt 1 xong và Công ty V thực hiện các thủ tục đề nghị thanh toán thì Công ty T không thanh toán đúng như thỏa thuận của Hợp đồng kinh tế hai bên đã ký, đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại khoản 5.2 Điều 5 của Hợp đồng kinh tế số 2508/2021/TL-VA ngày 12/9/2021 mà hai bên thỏa thuận, ký kết. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty V đối với bị đơn Công ty T yêu cầu thanh toán tiền với khối lượng cát đã san lấp 14.868m^3 là có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

[4.2]. Bị đơn Công ty T lại đặt ra về đơn giá cát theo Hợp đồng kinh tế hai bên đã ký thì giá cát là 195.000 đồng/m^3 , nhưng khi Công ty H đề nghị thanh toán và hai bên đối chiếu công nợ thì tính đơn giá cát là $255.000 \text{ đồng/m}^3 \times 11.028\text{m}^3$ cát và $235.000 \text{ đồng/m}^3 \times 3.840\text{m}^3$, với tổng số tiền là 3.714.540.000 đồng. Xét thấy, về đơn giá cát khi hai bên đối chiếu công nợ và thỏa thuận khi ký kết hợp đồng kinh tế nêu trên có sự thay đổi theo hướng tăng giá từ 195.000 đồng/m^3 lên giá 235.000 đồng/m^3 và 255.000 đồng/m^3 , nhưng theo nội dung thỏa thuận tại Điều 2 của Hợp đồng kinh tế số 2508/2021/TL-VA ngày 12/9/2021, hai bên thỏa thuận về đơn giá cát có thể tăng hoặc giảm theo biến động của thị trường, nếu hai bên có thỏa thuận lại giá cát tăng hoặc giảm và đồng ý xác nhận thì được coi như phụ lục của hợp đồng đính kèm hợp đồng này. Do đó, ngày 19/10/2022 khi hai bên tiến hành đối chiếu, xác định khối lượng công việc thi công và đối chiếu công nợ thì người đại diện theo pháp luật của Công ty T là ông Võ Minh H đồng ý với đơn giá cát 235.000 đồng và 255.000 đồng mới ký biên bản đối chiếu công nợ để Công ty V xuất hóa đơn giá trị gia tăng để làm thủ tục đề nghị Công ty T thanh toán.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty T cho rằng phía Công ty T đồng ý với giá cát nêu trên khi hai bên đối chiếu công nợ là do tại thời điểm đó hai bên thỏa thuận miệng với nhau phía Công ty V đồng ý để cho Công ty T khi nào hoàn thành công trình xây dựng Khu nhà ở thương mại và bán được nhà thì mới thanh toán tiền bơm cát cho Công ty V, cũng như khi ký đối chiếu công nợ thì ông Võ Minh H không xem nội dung các biên bản, quên trừ số tiền 900.000.000 đồng theo hai Phiếu chi đã thanh toán tiền bơm cát trước đó, nhưng các vấn đề này không được phía nguyên đơn thừa nhận, phía nguyên đơn cho rằng đối với số tiền 900.000.000 đồng theo hai Phiếu chi bị đơn cung cấp là đã được

thanh toán cho các khoản công nợ trước đó, không thuộc phần công nợ thanh toán cho đợt I bơm cát từ ngày 18/9/2022 đến ngày 09/10/2022 và phía bị đơn không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh có sự thỏa thuận miệng này, cũng thời gian thanh toán số tiền 900.000.000 đồng của hai phiếu chi là 03/11/2021 và ngày 28/01/2022 không thuộc trong khoản thời gian của khối lượng vật tư thi công của khoản tiền công nợ hai bên đối chiếu, ký xác nhận. Vì vậy, có căn cứ xác định tổng số tiền công nợ mà Công ty T nợ Công ty H là 3.714.540.000 đồng.

[4.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn tính tiền lãi suất chậm thanh toán tương ứng 20%/năm thì thấy: Theo nội dung thỏa thuận tại “Biên bản đối chiếu công nợ đợt 01 ngày 19 tháng 10 năm 2022” giữa Công ty T với Công ty V: ... “*Bên A sẽ thanh toán cho bên B chậm nhất 30 ngày. Nếu sau 30 ngày bên A chưa thanh toán cho bên B, bên A phải chịu lãi suất 3%/tháng....*”. Tuy nhiên, tại phiên tòa thì nguyên đơn thay đổi yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán đối với bị đơn là 20%/năm, yêu cầu mức lãi suất chậm thanh toán của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự và bị đơn cũng đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền lãi suất chậm thanh toán theo quy định của pháp luật là 20%/năm. Do bên Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ chậm thanh toán số tiền công nợ nêu trên, nên phải chịu lãi suất chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định của pháp luật là 20%/năm. Do đó, yêu cầu tính tiền lãi suất chậm thanh toán của nguyên đơn là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận, cụ thể như sau: Số tiền công nợ 3.714.540.000 đồng x 20% năm x 11 tháng 10 ngày (ngày 19/11/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm) = 701.635.333 đồng.

[4.4] Như vậy, tổng số tiền bị đơn Công ty TNHH Xây Dựng T có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty TNHH XDTM V là: 3.714.540.000 đồng + 701.635.333 đồng = 4.416.175.333 đồng.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

[5.1] Nguyên đơn Công ty TNHH XDTM V không phải chịu tiền án phí do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận toàn bộ, nên được hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định.

[5.2] Bị đơn Công ty TNHH Xây dựng T phải chịu tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, số tiền là 112.416.175 đồng.

[6] Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa về việc chấp hành pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự, cũng như quan điểm về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 95; Khoản 1 Điều 244; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1,3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Khoản 2 Điều 357; Điều 440; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 24, 50, 55 và 306 Luật Thương mại 2005;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH XDTM V đối với bị đơn Công ty TNHH Xây dựng T; Về việc tranh chấp Hợp đồng kinh tế (Về nghĩa vụ thanh toán tiền).

Buộc bị đơn Công ty TNHH Xây dựng T có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Công ty TNHH XDTM V số tiền 4.416.175.333 đồng (*Bốn tỷ bốn trăm mười sáu triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*). Cụ thể, tiền công nợ là: 3.714.540.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 701.635.333 đồng.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty TNHH XDTM V có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty TNHH Xây dựng T không thanh toán số tiền nêu trên cho Công ty TNHH XDTM V thì hàng tháng Công ty TNHH Xây dựng T còn phải chịu thêm tiền lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Nguyên đơn Công ty TNHH XDTM V được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.303.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009598 ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

2.2. Bị đơn Công ty TNHH Xây dựng T phải chịu tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 112.416.175 đồng (*Một trăm mười hai triệu bốn trăm mười sáu nghìn một trăm bảy mươi lăm đồng*).

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Kim Sa Pha